

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-PT
Ngày: 29/9/2023
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 03/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐ-PT ngày 28/4/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2023/QĐ-PT ngày 24/5/2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 573/TB-TA ngày 25/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2023/QĐ-PT ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng L - sinh năm 1965; cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng L:* Bà Phan Thị Thu T - sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ số B đường N, tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh C - sinh năm 1979; cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1936;

3.2. Bà Nguyễn Thị L2 - sinh năm 1970;

3.3. Bà Đinh Thị T1 - sinh năm 1963;

3.4. Bà Phan Thị V;

3.5. Ông Nguyễn Trương ;

Cùng cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3.6. Ông Phan Văn H - sinh năm 1971; cư trú tại tổ dân phố G, số A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.7. Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo T2 – Chủ tịch UBND xã P.

Địa chỉ trụ sở: xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người làm chứng*: Ông Nguyễn T3, sinh năm 1952; cư trú tại tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L.

(Tại phiên tòa bà Phan Thị Thu T có mặt; ông Nguyễn Minh C, ông Nguyễn T4, bà Phan Thị V, đại diện Ủy ban nhân dân xã P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Đinh Thị T1, ông Nguyễn T3 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L do người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Thu T trình bày:

Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11, xã P (viết tắt là thửa 161) do ông bà lưu hạ cho cha mẹ ông Nguyễn Hoàng L là ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L1 sử dụng ổn định từ năm 1973, đến năm 2011 cha ông chết thì mẹ ông tiếp tục sử dụng. Khoảng năm 2002, mẹ ông cho ông sử dụng thửa 161, việc cho đất chỉ nói bằng miệng, không lập hợp đồng tặng cho. Trong quá trình sử dụng mẹ ông bỏ đi nơi khác sống nhưng vẫn đến thửa 161 để canh tác, đến tháng 6/2018 mẹ ông L về lại thửa 161 làm nhà tạm để ở cho đến nay.

Năm 2011, ông Nguyễn Minh C, lúc đó là Phó chủ tịch UBND xã P thuê xe máy đào lấy đất tại thửa 161 để đổ làm đường bê tông; khi phát hiện ông L có đến gặp ông C yêu cầu dừng việc múc đất, trả lại mặt bằng thửa 161 cho mẹ của ông, ông C đồng ý, nhưng ông C vẫn không thực hiện việc san lấp trả lại mặt bằng như ban đầu. Năm 2016, ông L gửi đơn đến Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ. Tại kết luận của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy kết luận thửa đất số 161 bị lấy đất là 42m² với khối lượng là 21m³; sau đó ông C có thuê máy đào nói trả lại đất bị lấy, múc trả lại đường đi sát ao giáp với thửa 161 (có chiều ngang 1m), sau đó ông C có gọi ông L đến ký biên bản nhưng ông L không đồng ý, không ký vào biên bản và bỏ về.

Từ khi sử dụng cho đến nay cha mẹ ông L chưa có đăng ký, kê khai đối với thửa 161. Phía Tây thửa 161 giáp với thửa đất số 133, 124 cùng tờ bản đồ số 11, xã P của ông Nguyễn T3 (viết tắt là thửa 133, 124). Theo ông L hiện nay các thửa 133, 124 do ông C đang sử dụng. Qua xem xét đo đạc thực tế diện tích thửa 161 là $1.313,7m^2$ tăng so với diện tích tại sổ mục kê $1.311m^2$, ông L không đồng ý vì không hiểu lý do gì ông C đào ao ảnh hưởng đến đất của mẹ ông tại sao lại tăng diện tích. Ông L xác định thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cá nhân ông, không còn của bà L1.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh C san lấp mặt bằng trả lại cho ông diện tích $54m^2$ tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11 xã P, theo bản đồ địa chính thửa đất do ông tự hợp đồng đo đạc với Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày:*

Về nguồn gốc thửa 161 là của cha mẹ ông Nguyễn Hoàng L là ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L1 quản lý, sử dụng. Sau năm 1975, ông H1 và bà L1 về làm chòi và ở trên thửa đất được một thời gian, sau đó bà L1 đi đâu không rõ, nhưng về sau bà L1 về làm chòi ở vài năm rồi lại đi, còn ông H1 đến sống tại xóm P nên thửa 161 bỏ hoang khoảng 20 năm.

Năm 2016, bà L1 cùng con gái là bà Nguyễn Thị L2 chở tole, sắt về dựng chòi ở trên thửa 161. Ủy ban nhân dân xã P (viết tắt UBND xã P) có đến kiểm tra và lập biên bản đề nghị tháo dỡ. UBND xã P có mời ông L đến làm việc nhưng ông L nói đất này không liên quan đến ông và cho rằng đất này của em gái ông là bà L2 nên UBND xã P mời bà L2 đến làm việc, bà L2 nhận thấy việc bà tự dựng chòi là sai và cam kết tháo dỡ. Cũng vào năm 2016, ông L đem keo đến trồng trên thửa 161 nhưng UBND xã P đến lập biên bản vì sử dụng đất sai mục đích.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng thửa 133 là của ông Nguyễn N. Ông N có cắt chia 1 phần cho con trai là ông Nguyễn T3 sau đó ông T3 chuyển nhượng phần đất này cho ông Phan Văn H. Phần diện tích đất còn lại, ông N tiếp tục sử dụng; sau khi ông N chết thì để lại cho ông T3 sử dụng ổn định. Năm 2011, ông Nguyễn T3 chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích còn lại của thửa 133 cho ông H, ông H tiếp tục cải tạo lại và trồng keo, hiện ông H có nhờ cha vợ là ông Nguyễn Trương trông c giúp.

Tại thời điểm thi công tuyến đường bê tông N - P, lúc này ông C đang giữ chức vụ Phó chủ tịch UBND xã P phụ trách lĩnh vực kinh tế. Do nhu cầu đất đắp nền đường phục vụ công trình nên ông C có thống nhất với Thường trực UBND xã (không có biên bản) và làm việc với hộ ông H để thi công hạ độ cao vườn của ông H mục đích vừa cải tạo đất, vừa phục vụ công trình. Trong quá trình thi công đã lấn sang thửa 161 với diện tích $42m^2$, khối lượng là $21m^3$. Sau khi sự việc xảy ra không có ai ý kiến hay khiếu nại gì. Đến năm 2016, ông L phát đơn khiếu nại ông đến Huyện Ủ, Huyện ủy thành lập đoàn kiểm tra đến hiện trường, sau khi kiểm tra đã yêu cầu ông khắc phục lại diện tích lấn sang thửa 161 nên

ông đã thuê xe máy đào mức đất dưới lòng ao của thửa 133 đắp qua thửa 161 đủ khối lượng và diện tích bị ảnh hưởng. Sau đó, ông đề nghị UBND xã thành lập đoàn đến hiện trường đo và xác định lại diện tích ông đã hoàn trả và có mời ông L đến thửa đất để chứng kiến, nhưng ông L không ký vào biên bản.

Nay, ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu ông phải san lấp ao trả lại diện tích 54m² cho ông L tại thửa 161, thì ông không đồng ý vì ông không sử dụng phần diện tích đất ông L cho rằng ông bị lấn chiếm.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Thửa 161 có nguồn gốc là của ông bà lưu hạ cho chồng bà là ông Nguyễn H1. Năm 1966, vợ chồng bà làm nhà ở tại thửa 161, sau đó bà xuống chợ T5 - Phở Văn sinh sống, còn ông H1 đến ở với con trai là ông Nguyễn Hoàng L. Sau khi bà xuống chợ T5 làm ăn thì ngôi nhà tại thửa 161 bị hư hỏng, sụp đổ hoàn toàn. Năm 2018, bà về lại thửa 161 định làm nhà kiên cố nhưng chính quyền địa phương không cho, nên bà chỉ dựng nhà tạm để ở cho đến nay. Vợ, chồng bà chưa đăng ký, kê khai đối với thửa 161; thửa 161 vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà, bà chưa tặng cho ông L. Hiện thửa 161 có một phần diện tích bị ông Nguyễn Minh C lấy đất để đổ đường có lấn qua thửa đất của bà, bà yêu cầu ông C phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H trình bày:*

Thửa đất 133, có nguồn gốc là của ông Nguyễn N cho ông sử dụng từ 22 năm trước đây; cách đây khoảng 6 năm thì con ông N là ông Nguyễn T3 tiến hành làm các thủ tục sang tên thửa đất 133 cho ông. Sau đó ông để lại cho cha vợ ông là ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn Minh C quản lý, sử dụng cho đến nay. Thửa 133 ông chưa tặng cho hay chuyển nhượng cho ai. Năm 2011, ông cho phép đơn vị thi công tuyến đường bê tông N - Phước Thượng lấy đất tại thửa 133, còn thửa 161 thì ông không biết. Sau khi ông Nguyễn Hoàng L có đơn khiếu nại đối với ông Nguyễn Minh C lấy đất vườn ông L để đào ao nuôi cá thì ông C đã khắc phục trả lại mặt bằng cho ông L. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông C vì không có căn cứ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:*

Bà là con của bà Nguyễn Thị L1. Về nguồn gốc thửa đất bà công nhận như lời bà L1 trình bày. Năm 2018, mẹ bà về định làm nhà kiên cố trên thửa 161 nhưng chính quyền địa phương không cho nên mẹ bà có dựng nhà tạm để ở, năm 2020 bà về chung sống với bà L1 cho đến nay.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T1 trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Hoàng L. Thửa 161 do bà Nguyễn Thị L1 đang quản lý sử dụng, bà không sử dụng cũng như không có quyền lợi gì đối với thửa đất này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T4 trình bày:*

Về nguồn gốc thửa 133, theo ông được biết trước đây là của ông Nguyễn N canh tác và sử dụng ổn định, sau đó để lại cho con trai là ông Nguyễn T3 sử dụng. Năm 2011, ông T3 bán lại cho ông Phan Văn H, ông H hiện đang sống tại tỉnh Đắk Lắk nên giao thửa 133 cho ông trông coi và hiện ông đang canh tác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Trương v nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng thửa 133. Bà không liên quan gì trong vụ án này nên đề nghị không tham gia các phiên xét xử hay làm việc liên quan đến nội dung này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã P trình bày:*

Về nguồn gốc thửa 161 là của ông Nguyễn H1 và bà Nguyễn Thị L1 (cha mẹ ông Nguyễn Hoàng L), tên thường gọi là ông, bà Sáu H2 sử dụng từ trước năm 1975 trồng hoa màu. Vào khoảng năm 1977-1978, ông H2, bà L1 làm nhà ở trên một phần thửa 161. Sau khi làm nhà ở thì ông H2, bà L1 sử dụng được khoảng 3-4 năm thì không ở nữa, chuyển đến thửa đất số 33, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.559m² loại đất ONT thuộc xóm P, thôn N, xã P; sau khi chuyển đến chỗ ở mới thì căn nhà tại thửa 161 không sử dụng nên sụp đổ. Sau khi nhà sụp đổ, ông H2 và bà L1 chuyển sang canh tác một thời gian thì ông H2 để lại cho ông Nguyễn Hoàng L canh tác; trong thời gian canh tác có vụ ông L trồng hoa màu, có vụ ông L bỏ hoang. Năm 2006, đa dạng hóa nông thôn đo đạc thì thửa 161 và thửa 133 không xác định được người sử dụng, nên tại sổ mục kê quy chủ sử dụng là UBND xã quản lý.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đã tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh C san lấp mặt bằng trả diện tích đất 54m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11 xã P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 29/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn kháng cáo đề ngày 27/8/2022, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo đề ngày 02/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Minh C san lấp ao trả lại cho ông và những người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn H1 diện tích 28,286m² tại thửa đất 161.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Thu T, bị đơn là ông Nguyễn Minh C; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T4, bà Phan Thị V, đại diện UBND xã P đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, bà Đinh Thị T1, bà Nguyễn Thị L2, ông Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, tuy nhiên cần sửa lại cách tuyên án theo diện tích đất 28,286m² mà nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về kháng cáo: Ngày 15/8/2022, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ tuyên án. Ngày 29/8/2022, ông Nguyễn Hoàng L có đơn kháng cáo đề ngày 27/8/2022. Ngày 07/6/2023, ông Nguyễn Hoàng L có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu ông Nguyễn Minh C phải trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm tại thửa 161 cho ông và các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha ông là ông Nguyễn H1. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đơn kháng cáo của ông L là hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Minh C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã P; bà Phan Thị V; ông Nguyễn Trương c1 đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại để xác định chính xác vị trí đất tranh chấp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2023, nguyên đơn là người trực tiếp chỉ ranh mốc giới diện tích đất tranh chấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T6 thực hiện đo vẽ, xác định diện tích đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại là 28,286m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11 xã P, có giới cận: phía Tây giáp với ranh giới địa chính thửa đất 161 và thửa đất 133 theo bản đồ số 11, xã P (bản đồ 2006); phía

Đông và phía Nam giáp với phần diện tích còn lại của thửa đất 161, tờ bản đồ số 11, xã P (bản đồ 2006); phía Bắc giáp thửa 124, tờ bản đồ số 11, xã P (bản đồ 2006). Nguyên đơn xác định Tòa án cấp phúc thẩm lấy chứng cứ này làm căn cứ để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Minh C san lấp mặt bằng trả lại cho ông và các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha ông là ông Nguyễn H1 diện tích 28,286m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11, xã P, là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự có căn cứ để xác định về nguồn gốc các thửa đất như sau:

Nguồn gốc thửa số 161, tờ bản đồ số 11 xã P (viết tắt là thửa 161) là của ông Nguyễn H1 (chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị L1 (cha, mẹ của ông Nguyễn Hoàng L), sử dụng từ trước năm 1975 trồng hoa màu. Khoảng năm 1977, 1978 ông H1, bà L1 làm nhà ở một phần thửa đất số 161 để ở. Sau khi làm nhà, ông H1, bà L1 sử dụng khoảng 3, 4 năm thì không ở nữa mà chuyển về địa chỉ xóm P, thôn N, xã P sinh sống. Do không ở trên thửa 161 nữa, nên nhà cũ của ông H1, bà L1 bị sập. Sau khi nhà sập ông H1, bà L1 chuyển sang canh tác hoa màu một thời gian và sau đó để lại cho ông L canh tác, hiện nay ông L đang trồng cây lâu năm (cây keo).

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L1 xác định chưa tặng cho thửa 161 cho ông Nguyễn Hoàng L. Ông Nguyễn Hoàng L cho rằng thửa 161 thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông không còn của bà L1 nhưng ông không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cha, mẹ ông đã tặng thửa 161 cho ông. Tuy nhiên, bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Quá trình sử dụng thửa đất này, ông H1 và bà L1 không đăng ký kê khai. Theo hồ sơ địa chính (sổ mục kê quyền số 001 lập ngày 27/11/2006, tại trang 159, dòng 161) thể hiện: Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11, xã P, diện tích 1311m², loại đất BHK (đo đạc năm 2006), tên người sử dụng, quản lý: UBND xã, loại đối tượng: UBS (Ủy ban nhân dân cấp xã). Hiện nay, thửa đất này chưa ai đăng ký, kê khai cũng như chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 1863/UBND ngày 23/8/2021, UBND thị xã Đ xác định thửa đất trên thuộc quyền quản lý của UBND xã P và Chủ tịch UBND xã P chịu trách nhiệm đối với việc quản lý thửa đất này.

Nguồn gốc thửa 133, tờ bản đồ số 11, xã P (viết tắt là thửa 133) là của ông Nguyễn N sử dụng vào mục đích nông nghiệp trước năm 1975. Khoảng năm 1990, 1991 ông N để lại thửa đất này cho con trai của ông là Nguyễn T3 sử dụng; đến khoảng năm 2010, 2011 ông T3 chuyển nhượng lại cho ông Phan Văn H là con rể của ông Nguyễn T4 (cha ruột bị đơn Nguyễn Minh C) sử dụng. Hiện nay gia đình ông Nguyễn Minh C đang canh tác, sử dụng. Theo hồ sơ địa chính (sổ mục kê lập ngày 27/11/2006, tại trang 159, dòng 133) thể hiện: Thửa 133, tờ

bản đồ số 11, xã P, diện tích 2601m², loại đất LNK (đo đạc năm 2006), tên người sử dụng: UBND xã, loại đối tượng: UBS (Ủy ban nhân dân cấp xã). Hiện nay thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 341/UBND ngày 28/02/2022, UBND thị xã Đ xác định thửa đất trên thuộc quyền quản lý của UBND xã P và Chủ tịch UBND xã P chịu trách nhiệm đối với việc quản lý thửa đất này.

[2.2] Năm 2011, ông Nguyễn Minh C lúc đó là Phó Chủ tịch UBND xã P đã đồng tình với gia đình ông Phan Văn H để đơn vị thi công lấy đất tại thửa 133 và thửa 161, trong đó lấy đất tại thửa 161 diện tích 42m², khối lượng là 21m³ để phục vụ dự án tuyến đường bê tông hóa giao thông N- P khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Sau khi có đơn tố cáo của ông Nguyễn Hoàng L gửi đến Huyện Ủ, ông C đã khắc phục đồ đất trả lại mặt bằng diện tích 42m², khối lượng là 21m³ tại thửa đất số 161. Việc khắc phục này thể hiện tại biên bản đo đạc ngày 18/4/2017 (bút lục 77). Mặt khác, tại Báo cáo giải trình số 40/BC-UBND ngày 14/4/2017 của UBND xã P, xác định: “....*Hiện trạng, diện tích, khối lượng đất mà đ/c Nguyễn Minh C mức đào ao nuôi cá và đã khắc phục. Tổng diện tích đào 334m², khối lượng đào 459m³; trong đó diện tích mức sang số thửa 161 là 42m², khối lượng 21m³. Sau khi phát hiện mức nhầm qua thửa 161 đ/c Nguyễn Minh C đã khắc phục xong, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu....*” (bút lục số 83, 84).

[2.3] Thửa đất số 133 ông Phan Văn H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn T3, hiện nay UBND xã P là người đứng tên quyền sử dụng đất theo sổ mục kê lập ngày 27/11/2006. Ông C không phải là người có quyền sử dụng đối với diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, ông L khởi kiện ông C yêu cầu trả lại cho ông và các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1 diện tích 28,286m² thuộc thửa đất 161 là không đúng chủ thể bị kiện. Mặt khác, như đã nhận định trên thì thửa 161 hiện nay không thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Về việc xem xét thẩm định tại chỗ: Ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa 161 theo đơn yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng L. Sau khi có kết quả đo đạc thì ông L không đồng ý với kết quả xem xét thẩm định nên đã tự lập hợp đồng đo vẽ với Trung tâm T7 để đo đạc lại thửa 161 và cung cấp kết quả đo đạc cho Tòa án, yêu cầu Tòa án lấy kết quả đo đạc do ông cung cấp để buộc ông Nguyễn Minh C trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông nhưng ông không làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định và đo đạc lại đối với thửa 161 nên kết quả đo đạc do ông cung cấp là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự là 9.300.000 đồng. Do kết quả đo đạc nguyên đơn cung cấp là nguồn chứng cứ

không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án, nên nguyên đơn phải chịu chi phí do đặc 2.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở giai đoạn cấp phúc thẩm 6.000.000 đồng. Tổng cộng chi phí tố tụng ông L phải chịu là 17.300.000 đồng (*Mười bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*), ông L đã nộp và chi phí xong.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L theo đúng hiện trạng mà nguyên đơn khởi kiện theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Hoàng L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0002729 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng L; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Các Điều 166, 168 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh C san lấp mặt bằng trả diện tích đất 28,286m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11, xã P cho ông và các đồng thừa kế của ông Nguyễn H1, có giới cận: phía Tây giáp với ranh giới địa chính thửa đất 161 và thửa đất 133 theo bản đồ số 11 xã P (bản đồ 2006); phía Đông và phía Nam giáp với phần diện tích còn lại của thửa đất 161, tờ bản đồ số 11, xã P (bản đồ 2006); phía Bắc giáp thửa 124, tờ bản đồ số 11, xã P (bản đồ 2006) (có sơ đồ bản vẽ ngày 23/6/2023 của Công ty TNHH T6 kèm theo là một bộ phận không tách rời bản án này).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 17.300.000 đồng (*Mười bảy triệu, ba trăm nghìn đồng*), ông L đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

3.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng L 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002729 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đức Phổ;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng